

MỘT CÁCH NHÌN MỚI VỀ VĂN HOÁ VIỆT NAM
THÔNG QUA VIỆC SO SÁNH VỚI VĂN HOÁ NHẬT BẢN

(Nhân đọc Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hoá của Vĩnh Sinh)

Vương Trí Nhàn

Qua người hiểu mình là một trong những con đường nhận thức được nhiều người công nhận là cần thiết và “có triển vọng”, tức có khả năng tạo nên hiệu ứng có giá trị đích thực đối với những chủ thể đang muốn tự hiểu về mình.

Nhưng lâu nay ở Việt Nam, việc làm này có nhiều chỗ khó. Do những lý do thuộc về địa lý và lịch sử, dân ta thường ít đi rộng ra ngoài mảnh đất sinh sống, từ đó những hiểu biết của mỗi chúng ta về những xứ sở khác, những con người khác, thường thiếu hệ thống thiếu toàn diện, không đủ giúp ta có dịp tốt để đối chiếu so sánh. Mặt khác ta chưa sẵn sàng muốn tái khám phá bản thân. Ta quá tự tin, và tưởng sự mình biết về mình đã quá đủ, không mấy ai ngời tính xem cần đi đâu thêm, hỏi thiên hạ thêm điều gì nữa.

May thay, vào những ngày này, những hạn chế ấy có điều kiện để khắc phục. Người Việt có mặt trong khắp thế giới hòa nhập vào đời sống khoa học quốc tế, từ đó có dịp nhìn về quê hương mình sáng rõ hơn.

*Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hoá[1] là một tập sách có nội dung khá phong phú. Có bài khái quát Vị trí lịch sử của Trung quốc đối với Việt Nam và Nhật Bản hoặc đề cập tới Trục giao lưu văn hoá Nhật Bản Trung quốc Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Có bài giới thiệu về các nhân vật của lịch sử Nhật như Fukuzawa Yukichi và Asaba Sakitarô, những người mở đầu nền mậu dịch Nhật Việt như Suminokura Ryooi và Yoichi. Có bài so sánh những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ với những đề án có tính cách khai mông của những học giả trong hội trí thức Meirokusha. Có bài giới thiệu tác phẩm cổ điển văn học Nhật như bản dịch *Lối lên miền Oku* của Matsuo Bashô.*

Đằng sau những câu chuyện cụ thể ấy, theo ý tôi, phần nội dung có tính chất nền tảng của tập sách lại là những nhận thức của tác giả về một số khía cạnh cấp bách của văn hoá Việt Nam, quá trình nhận thức này được tiến hành thông qua việc so sánh với quan niệm về những vấn đề đó ở Nhật Bản.

*Dưới đây tôi xin phép trình bày một ít thu hoạch rút ra từ *Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hoá*. Nếu cách đọc của tôi không trùng với cách đọc của nhiều người, thậm chí không trùng với cách đọc mà chính tác giả đề nghị, thì xin cũng được coi là điều bình thường.*

Mối quan hệ giữa lòng yêu nước và nhu cầu chung sống với thế giới

Một trong những bài viết quan trọng nhất của tập sách này là dành để đề cập tới “Quan niệm về độc lập quốc gia của Việt Nam và Nhật Bản thông qua trường hợp Phan Bội Châu và Fukuzawa”.

Xuất phát từ nhu cầu mở cửa đất nước trong thời đại toàn cầu hoá, nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam gần đây đã trở lại với tình hình đầu thế kỷ XX, trong đó có trường hợp Phan Bội Châu và phong trào Đông Du do Phan khởi xướng. Nhưng cách chúng ta giới thiệu còn chung

chung và cũ. Hoặc nói nhiều tới các hoạt động hơn là tìm hiểu tư tưởng Phan Bội Châu. Hoặc cũng đề cập tới những quan niệm có tính cách mạng, chẳng hạn tư tưởng dân chủ mà Phan tiếp nhận được, song không đi vào phân tích cụ thể, trong mối liên hệ với các quan niệm thiết yếu khác. Còn trong *Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hoá*, Vĩnh Sính có điều kiện lần tới những vấn đề cơ bản đặt ra với cả xã hội ta đầu thế kỷ XX. Ông bắt đầu từ quan niệm về quốc gia của nhà cách mạng Việt Nam, và lấy nhà tư tưởng hàng đầu của nước Nhật là Fukuzawa để so sánh.

Theo cách trình bày của Vĩnh Sính, đặc điểm của lòng yêu nước ở Fukuzawa (1834-1901) là tính chất lý trí của nó. Lòng yêu nước ấy được thận trọng chuyển hoá vào trong công việc suy nghĩ và nghiên cứu. Fukuzawa quan niệm : Khi người nước ngoài tới, trước tiên ta phải tìm hiểu họ, xem họ như thế nào, có gì khác mình giống mình, tại sao họ lại đến được nước mình. Phải thấy về lâu dài, một nước tha nào cũng tìm được tiếng nói chung với các nước khác trên thế giới. Cái gì mình chưa biết thì phải học, học để trở nên văn minh. Công thức tóm tắt “ Phương sách giữ gìn độc lập không thể tìm đâu ngoài văn minh... Độc lập quốc gia là mục tiêu và nền văn minh quốc dân là phương tiện để đạt được mục tiêu đó” (tr. 152).

Từ trường hợp của Fukuzawa, Vĩnh Sính đưa ta quay trở lại soi tỏ trường hợp Phan Bội Châu. Trong khi chăm chú vào công việc cấp bách, Phan ít có cái nhìn rộng ra ngoài. “Phan không bao giờ có ý định tìm hiểu về người Pháp và nước Pháp”, “Nhận thức về quan hệ quốc tế của Phan vừa lỗi thời vừa chủ quan.” (tr. 299). Ông không nhận chân được tình hình chính trị phức tạp và đa dạng của thế giới cận đại cùng những nguyên nhân đã đưa Nhật Bản và các nước phương Tây lên địa vị phú cường. Ngay đối với nước Nhật mà ông muốn cậy nhờ, sự hiểu biết của ông cũng “sơ sài, chủ quan và nông cạn” (tr. 148). Ông sẽ chẳng lặn lội đi đâu, nếu ở trong nước mà cứu được nước. Với ông kẻ thù đến là đánh, dùng biện pháp gì để đánh cũng được, bất cứ giá nào cũng chấp nhận miễn là thành công. Trong bức tranh toàn cảnh về một đất nước Việt Nam như Phan mong muốn, điều quan trọng là nhất thiết không có cường quốc bảo hộ, ngoài ra các vấn đề quan hệ đối ngoại không được đặt ra.[2]

Trong khi Fukuzawa chủ trương chấp nhận trật tự thế giới lúc bấy giờ và từng bước canh tân Nhật Bản theo mô hình các nước phương Tây, thì Phan Bội Châu có xu hướng thiên về ảo tưởng, và cả sự manh động, với hy vọng “đảo ngược thời cuộc” (tr. 143 -144). Lòng yêu nước ở ông có phần đơn giản. Nó dựa trên tình cảm hơn nhận thức. Đúng hơn có thể mượn lời Phan Châu Trinh[3] mà nói thẳng Phan Bội Châu là một nhà đại hào kiệt “có lòng thương nước” nhưng đã “không biết cái đạo thương nước” (tr. 302). Nguồn gốc của những thất bại của Phan một phần bắt nguồn từ đây chăng ? Nhưng chẳng phải là nhờ thế, nó lại có ích cho chúng ta hôm nay như một vết xe đổ phải tránh?

Không khó khăn gì lắm, có thể tìm ngay ra được rất nhiều nhân tố để bảo rằng nhà khai sáng Nhật Fukuzawa có gì đó may mắn hơn Phan Bội Châu: Đất nước Phù Tang không bị rơi vào ta kẻ xâm lược, mà chỉ có vài hiệp ước bất bình đẳng buộc phải ký. Và người dân của đất nước ấy đã trải qua nhiều cuộc tiếp xúc khôn ngoan, nhiều bước giác ngộ sâu sắc để có sự trưởng thành trên nhận thức, cũng như bản thân Fukuzawa sớm có dịp tìm hiểu văn hoá nước ngoài và các mối quan hệ quốc tế một cách khoa học. Còn với Phan Bội Châu, dân trí thấp kém là một tình trạng có thật, nếu cứ chờ dân trưởng thành thì không bao giờ giải quyết được công việc. Những hạn chế của Phan chính là hạn chế của dân tộc khi chưa chuyển sang thời hiện đại.

Những liên hệ với tình hình trước mắt

Cần nhớ là bên cạnh lòng yêu nước theo kiểu kịch liệt và thiên về bạo động của Phan Bội Châu, đương thời còn có lòng yêu nước trước tiên đặt vấn đề phải nâng cao dân trí học hỏi

phương Tây rồi hãy làm tiếp, *một cách yêu nước mới mẻ và khó khăn* mà Phan Châu Trinh là đại diện.

Nghĩa là cách nghĩ như của Phan Bội Châu không phải là định mệnh.

Trong khi đó thì cho tới hôm nay, nhiều người chúng ta lại gần như chỉ chấp nhận một cách nghĩ như thế và xem nó là duy nhất đúng. Lòng yêu nước bị chúng ta tuyệt đối hoá. Ta chỉ cho nó có một cách hiểu. Ta xem nó thiêng liêng nên không cho phép ai được bàn thêm, mọi sự bàn bạc đều bị xem là báng bổ có lỗi. “Quốc dân không có chí khí độc lập, không có tinh thần tự do thì lòng yêu nước cũng hàm hồ nông cạn, vô trách nhiệm”: Một cách nói rất dứt khoát như thế – Fukuzawa đã viết trong cuốn *Khuyến học* – đối với chúng ta dễ gây sốc. Yêu nước thì bao giờ cũng tốt đẹp chứ làm sao lại có thứ yêu nước hàm hồ nông cạn và vô trách nhiệm? – ta nghĩ đơn giản vậy. Tóm lại, ta để cho lòng yêu mến và kính trọng với Phan Bội Châu bao trùm tất cả dẫn đến suy tôn một chiều, mà không tìm cách nhận thức và đánh giá lại, và tìm ra cái cách yêu nước mà thời đại đang đòi hỏi.[4] Mỗi khi cần đặt Phan Bội Châu bên cạnh Phan Châu Trinh thì bao giờ cảm tình của chúng ta cũng nghiêng về Sào Nam, và nhiều người lại còn có cái nhìn gọi là “mang nhiều thông cảm” với sự ngây thơ của Tây Hồ (!).

Ở đây có một lý do sâu xa. Nửa thế kỷ qua, tư tưởng của Phan Bội Châu là một trong số không nhiều những tư tưởng chi phối sự vận động của xã hội Việt Nam. Nay là lúc những mơ ước cháy bỏng của Sào Nam đã được thực hiện. Nghĩ lại về ông, người ta cho rằng ông chỉ thất bại vì không biết tổ chức quần chúng. Chứ đúng ra Việt Nam giành được độc lập một phần là nhờ kiên trì tư tưởng của ông. Từ đó khái quát lên, cách hiểu về lòng yêu nước của Phan trở thành một di sản chỉ cho phép nói tới với niềm tự hào và lời hứa nhất nhất tuân theo. Bảo rằng nhiều nhân vật nổi tiếng trong lịch sử có thể rất yêu nước nhưng vẫn “không biết cái đạo thương nước” thì nhiều người sẽ giãy nảy lên, và sẵn sàng hạ một câu xanh rờn “về yêu nước thì không ai phải dạy cho người Việt”. Vâng, về căn bản, đó là những ý nghĩ thường trực trong ta! Có thể có một lúc nào đó, một số chúng ta cũng bắt đầu mang máng cảm thấy rằng yêu nước theo kiểu ấy ngày nay là không đủ nữa. Nhưng chết nỗi nó là cả một kỷ niệm đẹp, là tuổi trẻ oai hùng của cộng đồng và người ta không muốn tự làm phiền mình, không muốn nghĩ lại mọi sự. Ngay cái chỗ mà Phan Bội Châu về sau phản tỉnh, tự cho là mình sai, và người sau nên rút kinh nghiệm để tránh (Vĩnh Sính đã dẫn ở tr. 302), thì chúng ta vẫn cứ ngần ngại, không dám vạch rõ sự thật. Bởi Phan thời đang hoạt động giống chúng ta quá! Sự dừng lại của Phan lúc ấy góp phần củng cố sự trì trệ của chúng ta hôm nay.[5]

Như thế đấy, tuy không nói ra một cách rành mạch, nhưng đằng sau các dòng chữ, có cảm tưởng là cái thực trạng của nhận thức và tâm lý sau chiến tranh được Vĩnh Sính hiểu khá kỹ càng. Ở chỗ nhiều nhà nghiên cứu chỉ biết ca ngợi một chiều và lãng tránh đi vào thực chất, thì ông đi tiếp. Bằng cách đó, Vĩnh Sính cho thấy sự có mặt của ông là cần cho mọi người. Từ thực tế Nhật Bản, ông giới thiệu với chúng ta một tinh thần yêu nước theo nghĩa hiện đại, nó là thứ tình cảm được soi rọi dưới ánh sáng của lý tính, tức là được đặt trong mối quan hệ với một quan niệm mới mẻ về độc lập quốc gia. Thứ nữa, đây không phải là thứ lý tính với nghĩa tư biện hoặc ra vẻ uyên bác mà là thứ lý tính thâm tóm được bản chất để trở thành tinh hoa của đời sống. Cần chú ý rằng khi nói về Fukuzawa, Vĩnh Sính ghi nhận đây là con người “vừa yêu nước nồng nhiệt vừa có những nhận thức thực dụng sắc bén” (tr. 149), thực dụng với nghĩa “không câu nệ bởi những lý tưởng chính trị hay ý thức hệ xa vời để lỡ mất thời cơ” (tr. 151). Lời đề nghị của tác giả *Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hoá* đã quá rõ, vấn đề chỉ còn ở chỗ chúng ta có nghe ra hay không thôi.

Về một khía cạnh tâm lý dân tộc đang là rào cản cho quá trình hòa nhập của Việt Nam với thế giới

Ngoài trường hợp Fukuzawa nói trên, một người Nhật khác được giới thiệu trong tập sách tương đối kỹ là Shiba Ryōtarō (1923-1996). Theo cách nói của Vĩnh Sính, ông là một trong những tác giả đại diện cho nước Nhật và một trong những người viết sử có ảnh hưởng nhất ở Nhật. Ông có viết riêng một cuốn sách ở đó quá trình lịch sử Việt Nam được phân tích khá sắc bén. Trong một nhận xét ngắn gọn rằng ở Việt Nam, “làng xã vẫn là một đơn vị xã hội có tầm quan trọng hơn nhà nước (tr. 280), người ta nhận ra một nhân tố gốc, nó quy định trình độ phát triển của xã hội chúng ta, nó là nguyên nhân cốt nghĩa nhiều thành công cũng như thất bại của chúng ta hôm nay. Trên đường đi vào tâm lý dân tộc, nhà nghiên cứu Nhật không quên ghi nhận người Việt có một số căn bệnh chưa biết bao giờ mới chữa nổi, như cái tình trạng thiếu tinh thần hợp tác với nhau để làm việc chung; đặc biệt, theo Shiba Ryōtarō, một khuynh hướng của người Việt là “xem dân tộc mình ưu việt so với người dân tộc khác” (tr. 288 –289), do đó là một sự cản trở đối với việc học hỏi và chung sống với thế giới.

Vậy là không chỉ quan niệm yêu nước mà nhiều vấn đề khác của văn hoá Việt Nam cũng được Vĩnh Sính mang ra so sánh với Nhật (hoặc với Hàn quốc). Việc giao thiệp với các nước ngoài, đúng hơn cái khả năng của một quốc gia trong việc tiếp nhận và làm giàu thêm cho mình bằng việc nhận thức tình thế và sẵn lòng chung sống với thế giới chung quanh – cái khả năng mà ông từng nói trong bài về Phan Bội Châu – được Vĩnh Sính trở lại nhiều lần, dưới nhiều hình thức, cả bao quát lẫn cụ thể. Bao quát thì như trong bài viết về Minh Trị duy tân, ông khái quát là phải *tri kỷ tri bỉ* để đưa đất nước tiến lên đài văn minh. Cụ thể thì như ở trang 159, ông đưa ra một bảng thống kê về lượng sách Anh, Pháp, Hà Lan được dịch ở Nhật tính đến thập kỷ cuối cùng thế kỷ XIX, qua đó không chỉ cho thấy tình trạng tiếp thu văn hoá nước ngoài của Nhật, mà cả cái cách họ tiếp nhận nữa. Họ không chỉ dịch sách văn học, cụ thể là mấy cuốn tiểu thuyết thời danh, để ra về mình cũng cập nhật tình hình, theo sát thế giới (!). Cái mà họ ưu tiên hơn là sách học thuật, tức các lĩnh vực của khoa học xã hội. Đối chiếu với tình hình Việt Nam vào thời Tự Đức, chúng ta đủ nhận ra sự chậm trễ là đến mức nào. Hơn nữa, đó không phải chỉ là kém cỏi trong số lượng mà là sự tụt hậu trong thang bậc của nhận thức, một điều đến nay vẫn còn tiếp tục diễn biến, và chưa biết bao giờ mới thay đổi được.

Khác với các tiểu luận nói trên, *Thiên kỷ III đang mỉm cười* có dáng dấp mấy trang xô tay, ở đó Vĩnh Sính chỉ kể lại ít điều ông ghi nhận được từ một hội nghị văn hoá châu Á tổ chức ở Hàn quốc vào tháng 11-1998. Song sự định hướng của Vĩnh Sính trước sau là nhất quán. Công thức mà ông đề nghị bao giờ cũng bao gồm hai vế (1) **mở cửa ra với thế giới**, và (2) **biết mình biết người**, chỉ có đủ hai vế đó thì mới bảo đảm cho tiến bộ. Chẳng hạn, khi bàn về giáo dục, trước hết ông nhắc lại ý kiến của học giả Trung Quốc Hà Phương Xuyên là vươn lên tầm thời đại, chuẩn bị hành trang cho cuộc giao lưu văn hoá. Rồi ngay sau đó ông dừng lại khá kỹ ở một thứ chủ nghĩa quốc gia văn hoá, hay gọi đích danh ra là một thứ “chủ nghĩa sô-vanh văn hoá” cần phê phán. Nguyên đây là một ý trong bài phát biểu của giáo sư Hàn quốc Park Seong Rae. Ông này thẳng thắn bàn về Hội chứng độc lập (independence syndrome) hay nói nôm na là “bệnh độc lập” của người đồng bào mình. Theo Park Seong Rae “nếu người Hàn quốc càng nhấn mạnh độc lập văn hoá của nước họ đối với các nước láng giềng (Nhật Bản và Trung Quốc) – chẳng hạn như cảm xúc nghệ thuật độc đáo của người Hàn quốc – thì chính bản thân họ lại càng phải chịu thiệt thòi nhiều hơn” (tr. 336). Liên hệ tới Việt Nam, Vĩnh Sính viết “*Hội chứng độc lập* trong con người Việt Nam cũng khiến đa số chúng ta thiếu tinh thần tiếp thu những điều hay cái lạ của các nền văn hoá khác, đồng thời chỉ thích nói về những gì hay ho ưu việt trong văn hoá Việt Nam hơn là nói ra những khuyết điểm của mình để sửa chữa. *Hội chứng độc lập* cũng khiến ta thiếu tinh thần khách quan khi buôn bán làm ăn hay giao lưu với nước ngoài, chỉ biết mình nhưng không biết người” (tr. 337).

Từ văn hoá thế kỷ XVII nói riêng tới văn hoá Việt Nam nói chung

Chu Thuần Thủy (1600-1682) là một trí thức Trung Quốc sống ở thời nhà Minh bị Mãn Thanh xâm chiếm. Trong quá trình vận động phản Thanh phục Minh, có mấy lần Chu đã lưu lạc sang Việt Nam. Chính quyền đương thời tức các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã có lúc tính chuyện dung nạp ông, nhưng việc không thành, về sau Chu sang ở hãn Nhật, trở thành một trí thức có công giúp đỡ cho việc đưa nước này vào một giai đoạn hưng thịnh. Trước tác của Chu Thuần Thủy có nhiều, và chắc là phần chủ yếu là về nước Nhật. Tuy nhiên Chu cũng đã kịp ghi chép những ngày làm việc với người Việt, qua tập sách mỏng *An Nam cung dịch kỷ sự* (Ký sự về việc phục dịch ở An Nam 1657).

Tại sao Vĩnh Sính, với tư cách người dịch và giới thiệu *An Nam cung dịch kỷ sự*, đưa nó vào tập chuyên khảo của mình?[6] Hẳn là nhà nghiên cứu suốt đời sống xa quê của chúng ta tìm thấy ở đây nhiều điều mà bản thân ông cũng thường suy nghĩ? Cung cấp bức tranh xã hội Việt Nam thế kỷ XVII dưới con mắt Chu Thuần Thủy, Vĩnh Sính dường như muốn tìm cho những nhận xét của mình về văn hoá Việt (mà ở trên chúng tôi đã ghi nhận) một cơ sở lịch sử chắc chắn, do đó vấn đề đặt ra có thêm sức ám ảnh.

Thực vậy, dưới con mắt Chu, xã hội Việt Nam hiện ra với những nhược điểm cố hữu và rất khó sửa chữa. Đó là một xã hội ít tiếp xúc với các xã hội bên ngoài. Ngay với thế giới Trung Hoa tưởng là quá quen thì chúng ta cũng không hiểu gì. Vừa gặp Chu, các nha lại địa phương đã giở trò hống hách, bắt người ta lạy, hỏi người ta bằng cấp gì, và nếu bảo rằng không có bằng cấp thì lập tức coi thường. Đúng là cái bệnh quá quê mùa và hay chấp nhận mà ngày nay chúng ta còn bảo lưu khá đầy đủ! Đến như những câu chuyện mà các bậc gọi là thức giả bây giờ quây vào hỏi Chu Thuần Thủy thì phần lớn cũng là chuyện tầm thường. Sự non kém trong đời sống tinh thần của xã hội bộc lộ ở nhiều mức độ. Thứ nhất là lối học chỉ hót lấy những cái lạ mà thiếu cơ sở học thuật, một sự ngây thơ trong tư duy khiến đương sự phải cười thầm “Người quý quốc đọc những truyện như *Tam quốc diễn nghĩa* hoặc *Phong thần* mà cả tin là thật, cứ đến đây hỏi tôi hết chuyện này sang chuyện khác mãi không thôi. (Trong khi ấy thì lại bỏ qua không nghiên cứu những sách kinh điển như *Ngũ Kinh*, *Tam sử*.) Tựa như bỏ vàng ngọc mà chọn gạch đá, nhổ lúa xanh mà trồng cỏ tranh, không hiểu cái gì phải lấy, cái gì phải bỏ” (tr. 393). Thứ hai là mê muội vì những trò mà nói theo thuật ngữ hiện đại là văn hoá tâm linh. “Nhưng tại sao chư quân tử từ trên xuống dưới lại cứ đến đòi xem tướng số. Hỏi thật không nhằm chỗ, đến cuối cùng không biết là đã làm nhục Du (Tức CTT. Người coi tướng, người xem sao đông biết bao nhiêu mà đếm cho hết. Trong tứ dân (tức sĩ nông công thương – VS chú) và chín học phái (tức *cửu lưu*: Nho gia, đạo gia, âm dương gia vv... – VS chú), họ là hạng người thấp hèn nhất. So họ với nhà nho có đức nghĩa, khác xa một trời một vực, như đen với trắng, như nước với lửa, hoàn toàn tương phản” (tr. 392).

Dù đã kín đáo và lo phòng thân, cuối cùng người khách lạ cũng phải ghi trên mặt giấy cái nhận xét chung mà chúng ta ngày nay đọc lại có thể rất khó chịu, song phải nhận là không thể nói khác: “Tuy là nước nhỏ, nhưng khí kiêu ngạo, học vấn nông cạn, kiến thức có giới hạn, tuy có thể tuyển chọn được người tài năng trong nước Dạ Lang của mình, nhưng không tránh được về ếch ngồi đáy giếng” (tr. 401). Theo ghi chú của Vĩnh Sính, “nước Dạ Lang” nói ở đây là một ẩn dụ, bắt đầu từ câu chuyện có thật về một nước nhỏ thời Hán, trong giao thiệp với thiên hạ mắc bệnh hoang tưởng, từng tranh luận với các sứ giả quanh chủ đề “nước Dạ Lang so với Trung Quốc bên nào lớn bên nào nhỏ”. *Dạ Lang tự đại* đã thành một thành ngữ có ghi cả trong các từ điển phổ thông như *Tân Hoa*, *Từ giác*, chuyên để chỉ những cộng đồng quen sống biệt lập nên không có ý thức đúng đắn về vị trí của mình trên thế giới.

Đoạn kết : một đề nghị

Trong quan niệm của Phan Bội Châu, yếu tố đầu tiên của một nước Việt Nam mới là không có bóng cường quyền của nước ngoài. Trong khi đó, như nhiều tài liệu đã có nhắc và Vĩnh Sính cũng có ghi lại (tr. 300), trong một cuộc bút đàm, Lương Khải Siêu đã khuyên Phan “Quý quốc chớ lo không có ngày độc lập, mà chỉ nên lo quốc dân không có đủ tư cách độc lập. Thực lực của quý quốc là dân trí dân khí và nhân tài”.

Những nhận xét này không chỉ mới mẻ mà còn thiết thực và chắc chắn là rất cần thiết cho công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay. Nó cũng là một trong những ý tưởng chính toát ra từ công trình nghiên cứu của Vĩnh Sính khi giới thiệu một số nhân tố trong giao lưu văn hoá Nhật Việt. Vốn đã có cách đánh giá riêng về tình hình trong nước, nên khi đi vào các hiện tượng văn hoá xứ người để làm việc so sánh, nhà nghiên cứu này luôn luôn tìm được những đồng minh sắc sảo và đáng tin cậy.

Nhân đây nhắc lại một xu thế chi phối cách nghiên cứu văn hoá ở ta. Nhìn chung các tác giả ít đi vào tìm hiểu mối quan hệ văn hoá Việt Nam với văn hoá nước ngoài. Ta không coi đây là một con đường để tự nhận thức. Cực chẳng đã, khi cần nói về những ảnh hưởng của văn hoá nước ngoài tới văn hoá Việt Nam, chúng ta thường chỉ nói cho phải phép, để rồi sau đó không quên nhấn mạnh là người Việt rất thông minh, rất cởi mở, và nhất là rất bản lĩnh trong quan hệ với thiên hạ. Xét về mặt này, cuốn sách của Vĩnh Sính rõ hẳn sang một lối riêng. Tác giả đã làm được cái việc mà nhiều người chỉ mang máng cảm thấy là cần thiết, nhưng không đủ sức đi đến cùng. (Ở tr. 342, khi nhắc tới việc Quán Chi Đào Trinh Nhất đã có bài giới thiệu Chu Thuần Thủy trên báo *Trung Bắc chủ nhật* 21-9-1941, Vĩnh Sính lưu ý rằng đó là một tiếng chuông thức tỉnh độc giả về thái độ thù cự và bài ngoại của sĩ phu nước ta. Vĩnh Sính chỉ dừng lại ở thái độ sĩ phu nói riêng, nhưng tôi tưởng cần xem đây là một đặc điểm của xã hội Việt Nam nói chung.)

Một đặc điểm nữa thường thấy trong các công trình nghiên cứu giao lưu văn hoá là chúng ta chỉ thích nói tới những nền văn hoá lớn và có quan hệ với ta quá sâu sắc như văn hoá Trung Hoa và văn hoá Pháp. Còn với các nền văn hoá khác kể cả văn hoá các nước Đông Nam Á mà ta gần gũi về mặt địa lý, hoặc văn hoá Hàn quốc, văn hoá Nhật mà ta có nhiều điểm chung, thì mọi việc càng chênh mảng, tài liệu quá ư nghèo nàn, làm cho lầy lệ, xưa đã vậy mà nay cũng vậy. Về phần Vĩnh Sính, ông có cái may mắn là giữa hai nền văn hoá Việt Nhật có nhiều mối giao lưu thật, và chỉ viết riêng về những sự kiện đó cũng đã rất hấp dẫn. Song ông không dừng lại ở các sự kiện bên ngoài mà để công tìm trong hoàn cảnh lịch sử của hai bên những hoàn cảnh tương tự, rồi phân tích cách giải quyết của mỗi bên, từ đó lý giải các đặc điểm dân tộc đã hình thành trong lịch sử. Trước mắt người đọc, hiệu ứng *qua người hiểu mình* được chứng nghiệm.

Hướng đi mà Vĩnh Sính đã mở ra, theo tôi cần được tiếp tục. Chẳng hạn, tôi ước ao lúc này có ai đó hiểu biết về lịch sử và văn hoá Thái Lan, thử tìm những mối tương đồng và dị biệt giữa văn hoá Việt Nam với văn hoá Thái Lan. Tôi tin là khi làm việc này, một nhà nghiên cứu nghiêm túc có lòng lo lắng cho tình trạng văn hoá đương thời và muốn góp phần vào quá trình tự nhận thức của dân tộc – một tác giả như thế có thể có nhiều phát hiện bổ ích, tương tự như trường hợp Vĩnh Sính. Nghiên cứu theo lối so sánh là lĩnh vực mà các nhà nghiên cứu khoa học xã hội người Việt đang sống ở nước ngoài có thể có nhiều đóng góp. Mỗi người thêm một phần công sức thì rồi quá trình tự nhận thức của xã hội Việt Nam mới được đẩy tới và tạo ra một bước ngoặt cần thiết.

[1] *Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hoá* của Vĩnh Sính giáo sư đại học Alberta, Canada, Nhà xuất bản Văn nghệ TP HCM và Trung tâm Nghiên cứu quốc học xuất bản, 2001 Những số trang ghi dưới đây đều dựa theo bản in trên.

- [2] Xem thêm bài viết Phan Trọng Báu *Tân Việt Nam hình ảnh một nước Việt Nam mới của phong trào Đông Du*, in trong *Phong trào Đông Du và Phan Bội Châu*, NXB Nghệ An và TT Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, 2005
- [3] Đây là chữ Phan Châu Trinh đã dùng khi nói về Phan Bội Châu. Nguyên văn viết bằng chữ Hán, đọc theo âm Hán Việt là “ hữu ái quốc chi tâm nhi bất tri sở dĩ ái quốc chi đạo ”. Dẫn theo bài viết của Vĩnh Sính *Thử tìm hiểu ý nghĩa tác phẩm Pháp Việt liên hợp của Phan Chu Trinh*, in trong *Từ đông sang tây*, NXB Đà Nẵng, 2005, tr. 142.
- [4] Lấy một ví dụ sách *Khuyến học* của Fukuzawa đã hai lần được dịch ra tiếng Việt và in ra ở hai NXB khác nhau, một dưới cái tên *Nhật Bản cách tân giáo dục thời Minh Trị* ở nhà *Chính trị quốc gia* 1995, và một giữ nguyên tên *Khuyến học* ở nhà *Trẻ*, 2004. Lưu ý là chính câu nói trên “Quốc dân không có chí khí độc lập, không có tinh thần tự do, thì lòng yêu nước cũng hàm hồ nông cạn, vô trách nhiệm” được đưa ra bìa 1 của bản in ở nhà *Trẻ*. Những tư tưởng của Fukuzawa đã bắt đầu được người Việt hôm nay hiểu đúng chẳng, và chúng ta bắt đầu nghĩ khác đi về lòng yêu nước ? Song không hẳn vậy, theo sự ghi nhận được của chúng tôi thì cuốn sách gần như không được một tờ báo lớn nào nhắc nhở tới.
- [5] Một ví dụ nữa. Theo Vĩnh Sính, “Phan không đánh giá những khó khăn trong việc tiếp thu văn hoá và kỹ thuật nước ngoài đúng mức nên đâm ra quá lạc quan ” khi nói về tương lai (tr142). Đọc lại một nhận định Phan viết trong *Tân Việt Nam*, và được Vĩnh Sính dẫn lại “Việc học tập tinh thông nghề nghiệp ở các nước Anh Nhật Đức Mỹ nhanh cũng đến hai năm, noi theo đó chớ nên lấy khó; việc học tập thành thạo các ngành binh công nông thương có nhanh cũng đến năm năm, ta chớ lấy làm lâu !” (cũng trang trên), chúng ta như bắt gặp chính sự ngây thơ và ảo tưởng ngự trị trong đầu óc nhiều người đương thời, ngay sau những ngày thống nhất đất nước 1975.
- [6] Trước đó ông đã cho in thành một bản riêng, Hội khoa học lịch sử Việt Nam và Tạp chí *Xưa và nay* xuất bản, 1999

Nguồn: tapchithoidai.org